

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:221/2019/DS-PT
Ngày:09-9-2019
V/v Tranh chấp về thừa kế tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh
Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc
Bà Lê Thị Kim Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 243/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số nhà 147/44 A, Đường N, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An.
 2. Anh Phạm Phát T, sinh năm 1995.
 3. Anh Phạm Phát Đ, sinh năm 1990.
- Cùng địa chỉ: Số nhà 39, ấp H, xã A, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị R, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số nhà 116/2, ấp B, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số nhà 117, Đường N, Phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số nhà 119, Đường N, Phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Ông Trần Quang C, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số nhà 119, Đường N, Phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số nhà 57, Đường Y, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

5. Chị Trần Thị Vân A, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số nhà 147/44 A, Đường N, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Phạm Thị R; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Đ.

(Bà Th, anh T, anh Đ, bà R, ông Đ, bà C và ông C có mặt; Bà M và chị Vân A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Th trình bày tóm tắt như sau: Chồng bà là ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1964, có đời vợ trước là bà Nguyễn Thị Ngọc M nhưng đã ly hôn vào năm 2012. Ông Đ và bà M có 02 người con là Phạm Phát T và Phạm Phát Đ. Năm 2014, ông Đ kết hôn với bà. Ông Đ và bà không có con chung, cũng không có con nuôi. Ông Đ chết ngày 11 tháng 5 năm 2017. Tại thời điểm ông Đ chết, tài sản ông Đ để lại là: Quyền sử dụng đất 2.773,4 m² tại thửa số 277, tờ bản đồ số 13 xã Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (*phần này ông Đ đã định đoạt theo di chúc*) và khoản tiền còn lại sau khi chuyển nhượng phần nhà đất tại thửa số 1133, tờ bản đồ số 1 Phường 3, thành phố Tân An tỉnh Long An (*phần này ông Đ không định đoạt trong di chúc*). Đối với phần đất do ông Đ đã định đoạt trong di chúc nên bà không có tranh chấp. Bà chỉ tranh chấp đối với khoản tiền còn lại của ông Đ hiện do bà Phạm Thị R (*em ruột ông Đ*) quản lý là 726.168.005đ, cụ thể nguồn gốc của số tiền tranh chấp thể hiện như sau:

Khi còn sống, vào tháng 12/2016, ông Phạm Văn Đ chuyển nhượng phần nhà đất tại thửa số 1133, tờ bản đồ số 1, Phường 3, thành phố Tân An tỉnh Long An với giá 1.580.000.000đ. Khoản tiền này ông Đ sử dụng trả nợ một phần, phần tiền còn lại ông Đ gửi tại các Ngân hàng gồm:

- Gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Tân An, tỉnh Long An số tiền 190.000.000đ. Khoản tiền 190.000.000đ này ông Đ không có định đoạt trong di chúc, nên sau khi ông Đ chết, bà và các con của ông Đ là anh Đ và anh T đã rút xong tại Ngân hàng và tự phân chia xong. Bà nhận 110.000.000đ (*vì trong 190.000.000đ ông Đ gửi có phần tiền riêng của bà là 50.000.000đ*), anh T nhận số tiền 40.000.000đ, anh Đ nhận 40.000.000đ. Bà không yêu cầu phân chia lại số tiền này vì giữa bà và anh T, anh Đ đã thỏa thuận phân chia xong.

- Gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An số tiền 500.000.000đ và gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Long An số tiền 500.000.000đ. Ngày 24 tháng 5 năm 2017, bà Phạm Thị R là em gái của ông Đ tự ý làm thủ tục rút hết số tiền mà ông Đ gửi

tại 02 Ngân hàng này nhưng không thông báo với bà và các con của ông Đ. Theo Giấy tắt toán tài khoản tiết kiệm ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Ngân hàng thể hiện:

+ Tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An, bà R rút. Do khoản tiền 483.877.400đ này bà R là đồng sở hữu với ông Đ, nên bà chỉ yêu cầu bà R trả $\frac{1}{2}$ là 241.938.700đ (*là phần di sản của ông Đ*), để bà và anh T, anh Đ chia di sản thừa kế của ông Đường theo pháp luật.

+ Tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An, bà R rút 484.229.305đ. Bà yêu cầu bà R trả đủ số tiền là 484.229.305đ (*là phần di sản của ông Đ*) để bà và anh T, anh Đ chia di sản thừa kế của ông Đ theo pháp luật.

Như vậy, tổng cộng số tiền là di sản của ông Đ để lại mà phía bà R quản lý là: 726.168.005đ. Bà thống nhất trừ khoản tiền bà R đã chi tiêu (*khi tổ chức tang, mai táng cho ông Đ*) là 208.200.000đ, nên khoản tiền còn lại là di sản của ông Đ hiện bà R quản lý là 517.968.005đ, bà yêu cầu chia làm 3 phần và buộc bà R phải trả lại. Cụ thể, bà và anh T, anh Đ mỗi người nhận một phần với số tiền là 172.656.001đ. Đối với khoản tiền 190.000.000đ mà bà cùng anh Đ, anh T đã rút và phân chia xong, thì bà không đồng ý trả lại khoản tiền này theo yêu cầu khởi kiện của bà R, ông Đ1. Bởi vì, bà với anh Đ, anh T nhận phần di sản trên với tư cách là người thừa kế theo pháp luật của ông Đ.

Nguyên đơn Phạm Phát T và Phạm Phát Đ cùng trình bày tóm tắt như sau: Ông Phạm Văn Đ là cha ruột của các anh, bà Nguyễn Thị Ngọc M là mẹ ruột. Ông Đ và bà M ly hôn vào năm 2012. Ông Đ chết vào ngày 11 tháng 5 năm 2017. Anh Đ, anh T thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với bà R liên quan đến khoản tiền là di sản của ông Đ để lại mà phía bà R quản lý là: 726.168.005đ. Thống nhất trừ khoản tiền bà R đã chi tiêu (*khi tổ chức tang, mai táng cho ông Đ*) là 208.200.000đ, nên khoản tiền còn lại là di sản của ông Đ hiện bà R quản lý là 517.968.005đ. Anh Đ và anh T yêu cầu chia khoản tiền 517.968.005đ làm 3 phần cho bà Th, anh T, anh Đ với số tiền là 172.656.001đ và buộc bà R phải trả lại. Đối với khoản tiền 190.000.000đ mà ông Đ gửi Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Tân An, tỉnh Long An thì không có phần 50.000.000đ tiền riêng của bà Th như lời của bà Th trình bày. Toàn bộ khoản tiền 190.000.000 này là di sản do ông Đ để lại, mà các anh cùng bà Th đã rút và phân chia xong, nên không tranh chấp phần tiền này. Anh Đ, anh T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà R, ông Đ1 về việc buộc các anh cùng bà Th trả lại khoản tiền 190.000.000đ này cho bà R vì đây là di sản do ông Đ để lại được chia cho những người thừa kế của ông Đ theo pháp luật.

Bị đơn Phạm Thị R trình bày: Vào ngày 08 tháng 3 năm 2013, ông Đ có lập di chúc cho bà và ông Đ quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An (*Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 086011 do ủy ban nhân dân thị xã Tân An, tỉnh Long An cấp ngày 15 tháng 01 năm 1997*). Ngày 04 tháng 10 năm 2016, ông Đ đã chuyển nhượng thửa đất nêu trên với giá chuyển nhượng là 1.580.000.000đ. Sau khi chuyển nhượng thửa đất này, thì ông Đ gửi riêng 190.000.000đ (*Số tiền này bà Th và các con của ông Đ là anh Đ và anh T đã rút xong tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Tân An, tỉnh Long An*). Số tiền 1.000.000.000đ, ông Đ đề nghị bà đến 02 Ngân hàng

Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An gửi tiết kiệm theo hình thức đồng sở hữu, để sau này ông Đ có việc gì thì lo cho ông Đ. Nhưng khi gửi tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An thì ông Đ đứng tên người sở hữu, còn bà là người được ủy quyền. Ông Đ yêu cầu bà giữ phần tiền này để cúng giỗ cho ông Đ sau này (*ông Đ chỉ nói miệng, không có văn bản nào thể hiện việc giữ lại phần tiền này để cúng giỗ và lo cho ông Đ nhưng anh, em trong gia đình đều biết, thời điểm ông Đ nói là lúc ông Đ lập di chúc*). Hai khoản tiền gửi tại hai Ngân hàng nêu trên bà đã rút ra để lo ma chay, cúng giỗ cho ông Đ. Cụ thể tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Long An bà rút 483.877.400đ. Do đồng sở hữu nên bà nhận $\frac{1}{2}$ số tiền là 241.938.700đ. Tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An bà rút 484.229.305đ. Khi rút tiền thì bà không trình bày với ngân hàng là ông Đ đã chết. Chi phí ma chay (*làm ma chay cho ông Đ không phúng điếu*), cúng kiếng trong hai năm (*đến thời điểm mãn tang*) là 208.200.000đ. Phần tài sản còn lại của ông Đ là Quyền sử dụng đất 2.773,4 m² tại thửa số 277, tờ bản đồ số 13 xã Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, hiện nay bà đang trực tiếp quản lý đất và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này.

Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Th, anh T và anh Đ và sự phân chia tài sản của ông Đ như phía bà Th, anh Đ, anh T trình bày. Bởi vì, khoản tiền 517.968.005đ này là phần tiền còn lại khi ông Đ bán phần nhà đất tại thửa số 1133, tờ bản đồ số 1 Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An, mà phần đất này đã được ông Đ định đoạt trong di chúc năm 2013 là để lại cho bà và ông Phạm Văn Đ1 hưởng.

Bà khởi kiện phản tố yêu cầu phía bà Th, anh T, anh Đ phải trả cho bà số tiền đã nhận là 190.000.000đ để bà có điều kiện lo cúng giỗ thờ cúng ông Đ theo ý nguyện của ông Đ. Bởi vì, số tiền này cũng là khoản tiền có được từ việc ông Đ bán phần nhà đất tại thửa số 1133, tờ bản đồ số 1 Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An, mà phần đất này đã được ông Đ định đoạt trong di chúc năm 2013 là để lại cho bà và ông Phạm Văn Đ1 hưởng. Hiện nay, bà là người đang thờ cúng ông Đ. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Đ1 trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà R. Ông yêu cầu phía bà Th, anh T, anh Đ trả cho bà R số tiền đã nhận là 190.000.000đ, để bà R có điều kiện lo cúng giỗ, thờ cúng ông Đ theo ý nguyện của ông Đ. Ngoài ra, ông không còn ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Thị C trình bày: Trước đây, bà R có đưa cho bà giữ số tiền 517.968.005đ, nhưng sau đó bà đã trả lại cho bà R số tiền này, do tuổi già nên không nhớ cụ thể thời gian ngày, tháng, năm giao nhận tiền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Quang C trình bày: Theo bản án phúc thẩm số 10/2014/HNGĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 56.000.000đ. Nhưng ông không có yêu cầu thi hành án vì ông là anh rể của ông Đ, đến khi ông Đ chuyển nhượng căn nhà và đất ở Tân An, thì ông Đ đã trả đủ cho ông số tiền 56.000.000đ, việc trả tiền không làm biên nhận vì là anh em với nhau. Ông yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt vì ông không còn liên quan đến vụ án.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2019, bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Theo bản án phúc thẩm số 10/2014/HNGĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà chi phí định giá, đo đạc là 2.150.000đ. Nhưng bà không có yêu cầu thi hành án, vì khi ông Đ chuyển nhượng nhà và đất ở thành phố Tân An, thì ông Đ đã trả đủ cho bà số tiền trên, việc trả tiền không làm biên nhận vì số tiền ít. Bà M yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, vì không có còn liên quan đến vụ án.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 12 năm 2018, bà Trần Thị Vân A trình bày: Bà và ông Trần Văn Tài là con ruột của bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn Huy. Năm 2004 bà Th và ông Huy ly hôn. Đến năm 2014, bà Th kết hôn với ông Phạm Văn Đ. Từ khi kết hôn thì ông Phạm Văn Đ ở chung nhà với bà Th và các con ruột của bà Th. Đến năm 2016, ông Trần Văn Tài chết, ông Tài chưa có vợ con. Trong quá trình ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th chung sống thì ông Tài, bà Vân A thường xuyên đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về nhà. Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th chăm sóc lẫn nhau chứ bà Vân A, ông Tài cũng không chăm sóc nhiều cho ông Phạm Văn Đ nên tình cảm cha – con cũng ở mức bình thường. Bà Vân A không yêu cầu thừa kế di sản của ông Đường.

Tại Công văn số 481/CV – CCTHADS ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Tân An xác định: Trong việc thi hành bản án phúc thẩm số 10/2014/HNGĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì ông Phạm Văn Đ đã thi hành xong khoản tiền thôi hoàn giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị Ngọc M với số tiền là 147.317.222đ. Ông Phạm Văn Đ đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 25.949.808đ. Đối với khoản tiền ông Phạm Văn Đ phải trả cho ông Trần Quang C là 56.000.000đ và chi phí đo đạc, định giá ông Phạm Văn Đ phải nộp hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M với số tiền là 2.150.000đ thì Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An chưa nhận được đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Quang C, bà Nguyễn Thị Ngọc M cũng như đơn tự nguyện thi hành án của ông Phạm Văn Đ nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An không có thụ lý thi hành số tiền này. Ngoài các khoản nêu trên thì Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An không có thụ lý hồ sơ thi hành án nào khác liên quan đến ông Phạm Văn Đ.

Tại Công văn số 45/CV-VPCCPTH ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Văn phòng công chứng Phạm Thị Hiên xác định: Ông Phạm Văn Đ chỉ lập 01 (một) bản di chúc số 1858, quyền số 02/2013TP/CC-SCC/DC ngày 08 tháng 3 năm 2013.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã tổ chức hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 03-7- 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã xử:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 611, Điều 617, Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 3 Điều 643 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th, ông Phạm Phát T, ông Phạm Phát Đ về việc buộc bà Phạm Thị R trả tiền thừa kế của ông Phạm Văn Đ.

Buộc bà Phạm Thị R có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền là 172.656.001đ (một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn lẻ một đồng).

Buộc bà Phạm Thị R có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Phát T số tiền là 172.656.001đ (một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn lẻ một đồng).

Buộc bà Phạm Thị R có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Phát Đ số tiền là 172.656.001đ (một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn lẻ một đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn Đ1 về việc buộc bà Nguyễn Thị Th, ông Phạm Phát T, ông Phạm Phát Đ trả cho bà R số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền, thời hiệu yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/7/2019, bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn Đ1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản thừa kế. Bà R, ông Đ1 yêu cầu các nguyên đơn phải trả lại cho bà Rạng số tiền 190.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị R và ông Phạm Văn Đ1 rút lại một phần yêu cầu kháng cáo liên quan đến số tiền 190.000.000đ mà bà R, ông Đ1 yêu cầu các nguyên đơn: Nguyễn Thị Th, Phạm Phát T và Phạm Phát Đ trả lại cho bà R. Bà R và ông Đ1 chỉ kháng cáo phần bản án sơ thẩm liên quan đến việc buộc bà R phải trả cho bà Nguyễn Thị Th, anh Phạm Phát T và anh Phạm Phát Đ mỗi người số tiền 172.656.001đ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của các nguyên đơn liên quan đến số tiền 517.968.005đ mà ông Phạm Văn Đ chết để lại.

Các nguyên đơn: Nguyễn Thị Th, Phạm Phát T và Phạm Phát Đ không đồng ý với kháng cáo của bà Phạm Thị R và ông Phạm Văn Đ1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Về Tổ tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tổ tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015. Kháng

cáo của bà Phạm Thị R và ông Phạm Văn Đ1 còn trong hạn luật định, nên được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà R, ông Đ1 đã rút lại một phần nội dung kháng cáo liên quan đến khoản tiền 190.000.000đ mà bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 03 - 7 - 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi 190.000.000đ này của bà R, ông Đ1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo mà bà R, ông Đ1 đã rút.

Về nội dung kháng cáo của bà R, ông Đ1 liên quan đến việc không đồng ý chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn Đ để lại là số tiền 517.968.005đ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy khoản tiền 517.968.005đ là di sản do ông Phạm Văn Đ chết để lại. Bà R, ông Đ1 cho rằng khoản tiền 517.968.005đ này là khoản tiền còn lại từ việc ông Đ bán phần nhà đất tại thửa 1133, tờ bản đồ số 1 Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An và phần nhà đất này đã được ông Đ di chúc để lại cho bà R, ông Đ1 từ năm 2013. Tuy nhiên, tính đến thời điểm mở thừa kế thì các tài sản do ông Đ định đoạt theo Tờ di chúc do ông Đ lập vào ngày 08/3/2013 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An chỉ còn có hiệu lực đối với thửa 277 tờ bản đồ số 13, xã Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; phần di chúc liên quan đến nhà đất tại thửa 1133, tờ bản đồ số 1 Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An đã không còn hiệu lực vì phần nhà đất này khi còn sống, ông Đ đã bán cho người khác vào năm 2016. Khoản tiền bán phần nhà đất nêu trên được 1.580.000.000đ đã được ông Đ dùng để trả nợ và một phần gửi Ngân hàng. Tính đến thời điểm ông Đ chết thì phần tiền của ông Đ còn lại gửi ở Ngân hàng mà sau đó phía bà R rút ra để quản lý, sử dụng là 726.168.000đ. Các nguyên đơn khi khởi kiện đã đồng ý trừ chi phí mai táng cho ông Đ là 208.200.000đ vào khoản tiền 726.168.000đ mà ông Đ để lại. Như vậy, cần xác định khoản tiền 517.968.005đ còn lại hiện do bà R đang quản lý là di sản của ông Đ và được chia theo pháp luật cho những người thừa kế của ông Đ. Bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế của ông Đ liên quan đến khoản tiền 517.968.005đ và chia theo pháp luật cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ hưởng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến việc buộc các nguyên đơn phải chịu án phí tính trên khoản tiền 190.000.000đ mà các nguyên đơn đã tự chia trước khi có tranh chấp là không đúng, đề nghị cải sửa phần án phí này. Ngoài ra, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của phía bà R nhưng không buộc bà R chịu án phí là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn Đ1 được thực hiện đúng thời hạn, đúng thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn Đ1 xin rút lại một phần nội dung kháng cáo liên quan đến khoản tiền 190.000.000đ mà theo đơn kháng cáo ngày 10/7/2019 bà R, ông Đ1 có yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà Th, anh Đ, anh T phải trả lại. Căn cứ quy định tại khoản 3 điều 284, khoản 3 Điều 289, khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà R, ông Đ1 liên quan đến khoản tiền 190.000.000đ mà bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày

03- 7 - 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã không chấp nhận yêu cầu của bà R, ông Đ1.

[2] Về nội dung liên quan đến kháng cáo của bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn Đ1 về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn trong việc chia thừa kế tài sản là số tiền 517.968.005đ do ông Phạm Văn Đ chết để lại, mà bà R đang quản lý, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 08/3/2013, tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An, ông Phạm Văn Đ đã lập “Tờ di chúc” thể hiện ý nguyện sau khi ông qua đời thì tài sản của ông trong khối tài sản chung sẽ để lại thừa kế cho các em là Phạm Văn Đ1 và Phạm Thị R. Phần tài sản này bao gồm:

1. Thừa đất số 1133, tờ bản đồ số 1, diện tích 138,5 m² tọa lạc tại Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An.
2. Thừa đất số 277, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.773,4 m² tọa lạc tại xã Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.
3. Thừa đất số 372, tờ bản đồ số 2, diện tích 75 m² tọa lạc tại xã Bình Tâm, thành phố Tân An, tỉnh Long An.
4. Thừa đất số 371, tờ bản đồ số 2, diện tích 248 m² tọa lạc tại xã Bình Tâm, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2014/HNGĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An khi giải quyết chia tài sản chung của ông Đ với bà Nguyễn Thị Ngọc M đã quyết định: Chia cho ông Phạm Văn Đ phần nhà đất tại số 57, thửa 1133 tờ bản đồ số 1 Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An diện tích 138,5 m², trên đất có cất 1 nhà trước là nhà cấp 4; 1 nhà sau là nhà 1 trệt – 1 lầu. Ông Phạm Văn Đ được quyền sử dụng phần đất lúa thửa 277, tờ bản đồ số 13 xã Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, diện tích là 2.773,4 m².

Năm 2016, khi còn sống, ông Phạm Văn Đ đã chuyển nhượng nhà và đất tại số 57, thửa 1133, tờ bản đồ số 1, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An cho người khác với giá là 1.580.000.000đ, chứng tỏ ông Đ đã thay đổi một phần nội dung di chúc liên quan đến việc thừa kế phần nhà đất này. Ngày 11/5/2017, ông Phạm Văn Đ chết. Căn cứ theo quy định tại Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì di sản của ông Đ chỉ còn lại phần đất lúa 2.773,4 m² thuộc thửa 277, tờ bản đồ số 13 xã Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An và khoản tiền còn lại từ việc bán phần nhà đất tại số 57, thửa 1133, tờ bản đồ số 1 Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Do phần đất lúa 2.773,4 m² thuộc thửa 277, tờ bản đồ số 13 xã Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã được định đoạt trong Tờ di chúc do ông Đ lập vào ngày 08/3/2013 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An, nên cần phải thực hiện theo di chúc. Các đương sự không có tranh chấp nào liên quan đến phần đất này, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét, giải quyết là phù hợp. Đối với khoản tiền còn lại từ việc bán phần nhà đất tại số 57, thửa 1133, tờ bản đồ số 1, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An, thì ông Đ không có lập di chúc để lại cho ai, nên được coi là phần di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Bà R cho rằng ông Đ có thể hiện ý nguyện “*phần tiền còn lại từ việc bán phần nhà đất tại thửa 1133, tờ bản đồ số 1 Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An, không được chia thừa kế mà để lại cho bà sử dụng vào việc cúng giỗ ông Đ*”, nhưng bà R không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Bản án

sơ thẩm xác định khoản tiền 517.968.005đ là di sản thừa kế do ông Đ để lại và chia theo pháp luật cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà R, ông Đ1 kháng cáo nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản tiền 517.968.005đ đã được ông Đ di chúc lại cho bà R, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm liên quan đến nội dung này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa liên quan đến án phí sơ thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên, do bà R, ông Đ1 đã rút kháng cáo liên quan đến khoản tiền 190.000.000đ mà bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 03 – 7 – 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi khoản tiền 190.000.000đ này của bà R, ông Đ1. Các nguyên đơn không có kháng cáo, Viện kiểm sát cũng không có kháng nghị phần nội dung này, nên căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét nội dung quyết định của bản án sơ thẩm về án phí liên quan đến việc tranh chấp khoản tiền 190.000.000đ này.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà R, ông Đ1 mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 284, khoản 3 Điều 289, khoản 3 Điều 298, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn Đ1 liên quan đến phần kháng cáo đối với khoản tiền 190.000.000đ mà bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS - ST ngày 03 – 7 – 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R, ông Đ1.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn Đ1 về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Nguyễn Thị Th, Phạm Phát T và Phạm Phát Đ trong việc chia thừa kế tài sản là số tiền 517.968.005đ do ông Phạm Văn Đ chết để lại.

3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 03 – 7 – 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị R, ông Phạm Văn Đ1 mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ. Chuyển khoản tiền tạm ứng án phí mà bà R, ông Đ1 mỗi người đã nộp là 300.000đ theo các biên lai thu số 0002145, 0002146, cùng ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm, nên bà R, ông Đ1 không phải nộp tiếp.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh